

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/DS-ST

Ngày: 28/11/2019

*“V/v tranh chấp về trách nhiệm
bồi thường của nhà nước”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK - TỈNH ĐẮK LẮK**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh T

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Y Krang Jiê

2. Ông Nguyễn Xuân Dũng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Ông Y Ker B’Krông - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc *“Tranh chấp về trách nhiệm bồi thường của nhà nước”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng T và bà Võ Thị TT (Bà Võ Thị TT ủy quyền cho ông Hoàng T tham gia tố tụng).

Cùng địa chỉ: Số x, tổ dân phố y, thị trấn LS, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số a, tổ dân phố y, thị trấn LS, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn V.

Chức vụ: Trưởng phòng T, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hoàng T và bà Võ Thị TT trình bày:

Năm 1986 gia đình tôi có mua thanh lý một căn nhà và đất ở của huyện Đội huyện L tại biên bản bàn giao nhà và đất ngày 06/02/1986 của Huyện Đội huyện L; cụ thể: Nhà ở 72m² và đất sản xuất sử dụng vào mục đích 400m² ODT và 3207m² BHK được Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Sơn xác nhận đúng hiện trạng và gia đình tôi quản lý và sử dụng cho đến nay. Tại tờ trình của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L số: 66/TTr- CN VP- ĐKĐĐ ngày 15/8/2016 xác định gia đình tôi quản lý diện tích: 3553,3m² (đã trừ 53,7m² thuộc lộ giới) tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số: 38. Đến nay gia đình tôi nhận được công văn số: 38/CV-TNMT ngày 22/8/2016 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện L cho rằng gia đình tôi không có giấy tờ về việc mua nhà và đất của Huyện đội huyện L là không thỏa đáng xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình tôi.

Tại bản án số: 40/2017/HC-ST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của gia đình tôi.

Từ những lẽ trên, tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L xem xét giải quyết tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện L phải bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính gây ra số tiền: 7.600.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm ngàn đồng), cụ thể là tiền phát sinh từ tiền công lao động + chi phí đi lại như sau:

- 01- Người tự khai: 200.000đ
- 02- Nhận thông báo tạm ứng án phí: 01 buổi/01 người: 100.000đ
- 03- Nộp tiền tạm ứng án phí : 01 buổi/01 người: 100.000đ
- 04- Triệu tập lấy lời khai 1 buổi/2 người ngày 20/09/2016: 200.000đ
- 05- Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại 01 buổi/2 người ngày 02/11/2016: 200.000đ
- 06- Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại 01 buổi/2 người ngày 14/11/2016: 200.000đ
- 07- Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại 01 buổi/2 người ngày 24/11/2016: 200.000đ
- 08- Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại 01 buổi/2 người ngày 08/12/2016: 200.000đ
- 09- Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại 01 buổi/2 người ngày 14/11/2016: 200.000đ

10- Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại
01 buổi/2 người ngày 22/02/2017: 200.000đ

11- Quyết định đưa vụ án ra xét xử 01 buổi/2 người ngày 22/02/2017: 200.000đ

12- Thông báo thu thập được chứng cứ 01 buổi/2 người ngày 17/01/2017:
200.000đ

13- Mở lại phiên tòa sơ thẩm 01 buổi/2 người ngày 20/04/2017: 200.000đ

14- Quyết định đình chỉ xét xử 01 buổi/2 người ngày 20/04/2017: 200.000đ

15- Thông báo chuyển ngày mở phiên tòa 01 buổi/2 người ngày 27/04/2017:
200.000đ

16- Tòa án tỉnh triệu tập lấy lời khai ngày 29/05/2017: 01 ngày/ 02 người mất
thu nhập: 600.000đ

Trong đó 400.000 tiền mất thu nhập; 200.000đ tiền xe khứ hồi từ huyện L
đến Buôn Ma Thuột.

17- Triệu tập làm đơn thay đổi người khởi kiện khai ngày 29/05/2017. 01 ngày/
02 người là 600.000đ.

Trong đó 400.000đ tiền mất thu nhập; 200.000đ tiền xe khứ hồi từ huyện L đến
Buôn Ma Thuột.

18- Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại
lần 1: 01 ngày/2 người ngày 07/08/2017: 600.000đ

Trong đó 400.000 tiền mất thu nhập; 200.000đ tiền xe khứ hồi từ huyện L đến
Buôn Ma Thuột.

19- Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại
lần 2: 01 ngày/2 người ngày 07/09/2017: 600.000đ

Trong đó 400.000 tiền mất thu nhập. 200.000đ tiền xe khứ hồi từ huyện L đến
Buôn Ma Thuột.

20- Biên bản đối thoại ngày 07/09/2017: 01 ngày/ 02 người mất thu nhập:
600.000đ

Trong đó 400.000 tiền mất thu nhập; 200.000đ tiền xe khứ hồi từ huyện L đến
Buôn Ma Thuột.

21- Bản tường trình ngày 17/08/2017: 01 ngày/ 02 người mất thu nhập: 600.000đ

Trong đó 400.000 tiền mất thu nhập. 200.000đ tiền xe khứ hồi từ huyện L đến
Buôn Ma Thuột.

22- Nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 22/09/2017: 01 ngày/ 02 người mất
thu nhập: 600.000đ

Trong đó 400.000 tiền mất thu nhập; 200.000đ tiền xe khứ hồi từ huyện L đến
Buôn Ma Thuột.

23- Ngày đi nhận bản án ngày 22/10/2017: 01 ngày/02 người mất thu nhập: 600.000đ

Trong đó 400.000 tiền mất thu nhập; 200.000đ tiền xe khứ hồi từ huyện L đến Buôn Ma Thuột.

Như vậy, chúng tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L xem xét giải quyết buộc Ủy ban nhân dân huyện L phải thanh toán cho gia đình tôi số tiền: 7.600.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm ngàn đồng) do hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk gây ra thiệt hại cho gia đình tôi.

*** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn V trình bày:**

Được sự ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tôi xin trình bày như sau: Về cơ bản, tôi vẫn giữ nguyên ý kiến tại Bản tự khai mà tôi đã trình bày tại Tòa án. Tôi xin trình bày lại như sau:

Về nội dung đơn: Ông Hoàng T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L xem xét giải quyết buộc Ủy ban nhân dân huyện L phải bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính gây ra số tiền 7.600.000 đồng, cụ thể: 23 khoản bồi thường thiệt hại trong quá trình tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án. Vấn đề này, Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến như sau:

- Việc xem xét, tiếp nhận, giải quyết đơn khởi kiện của ông Hoàng T tại Tòa án nhân dân huyện L và đến khi Tòa án ban hành quyết định đình chỉ vụ án với lý do vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh, nội dung này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do đó, ông Hoàng T yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện bồi thường thiệt hại trong thời gian tham gia giải quyết vụ việc từ khi Tòa án nhân dân huyện tiếp nhận giải quyết đơn khởi kiện đến khi Tòa án ban hành quyết định đình chỉ vụ án ngày 25/5/2017 là không đảm bảo theo quy định.

- Bản án sơ thẩm số 40/2017/HC-ST, ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, tuyên chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hoàng T khi Tòa án đã thu thập bổ sung thêm chứng cứ của những nhân chứng để làm rõ về nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông T cụ thể như: ông Nguyễn Mạnh C, nguyên cán bộ quản lý của Ban chỉ huy quân sự huyện L (thời điểm năm 1986); ông Lương Văn K, nguyên phó Ban chỉ huy quân sự huyện L (thời điểm năm 1986) ... Việc ông Hoàng T căn cứ Bản án để yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện bồi thường thiệt hại trong quá trình tham gia giải quyết vụ việc tại Tòa án nhân dân tỉnh là không đúng quy định. Vì:

+ Nếu căn cứ vào các giấy tờ kèm theo hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận của ông Hoàng T thì Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk có đủ cơ sở để giải quyết chấp

nhận đơn của ông Hoàng T không? hay chỉ sau khi thu thập bổ sung chứng cứ mới có cơ sở để giải quyết vụ việc... và sự thật là sau khi thu thập bổ sung chứng cứ Tòa án mới đủ cơ sở để giải quyết chấp nhận đơn của ông T.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận của hộ ông Hoàng T về nguồn gốc đất hộ gia đình kê khai là đất mua thanh lý của Huyện đội nhưng hộ gia đình không cung cấp được giấy tờ thanh lý hoặc nội dung giấy tờ chưa đầy đủ thì trách nhiệm thẩm tra, xác minh thu thập hồ sơ về nguồn gốc đất thuộc về UBND thị trấn LS và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L chứ không thuộc trách nhiệm của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện (quy định tại Điểm a Khoản 2; điểm d, g Khoản 3 Điều 70 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ).

+ Công văn số 38/CV-TNMT ngày 22/8/2016 của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện là nội dung ý kiến về hồ sơ của trường hợp hộ ông Hoàng T và chuyển trả hồ sơ giữa các đơn vị phối hợp thụ lý, giải quyết hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính trong việc đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ban hành kèm theo Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND, ngày 31/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, chứ không phải là văn bản trả lời cho công dân.

+ Tại hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Hoàng T do Chi nhánh chuyển đến phòng Tài nguyên và môi trường kèm theo tờ trình số 66 ngày 15/8/2016 không có hồ sơ văn bản kiểm tra, xác minh về nguồn gốc đất của ông Hoàng T khi hộ gia đình không cung cấp được hồ sơ thanh lý đất giữa huyện đội L và hộ ông T.

Ngoài ra, các nội dung chi tiết của vụ việc đã được phòng Tài nguyên và môi trường huyện L, Ủy ban nhân dân huyện L nêu rõ tại Bản tự khai gửi Tòa án nhân dân huyện, tỉnh khi tham gia giải quyết vụ án.

Từ những nội dung và căn cứ nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện L đề nghị Tòa án căn cứ vào hồ sơ, tài liệu có liên quan và quy định của pháp luật để giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định.

Tại buổi làm việc hôm nay, quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện L không đồng ý đối với tất cả 23 khoản yêu cầu bồi thường của ông Hoàng T và bà Võ Thị TT với tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 7.600.000 đồng.

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến:* Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Thẩm phán đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm.

Căn cứ khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 598 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 28 Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Hoàng T và bà Võ Thị TT.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk, bồi thường cho vợ chồng ông Hoàng T, bà Võ Thị Thu Thủy số tiền chi phí đi lại và các chi phí khác để tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Đắk Lắk với số tiền 3.900.000 đồng.

- Bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Hoàng T và bà Võ Thị TT, yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện L bồi thường số tiền 3.700.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Hoàng T và bà Võ Thị TT khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết việc bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện L gây ra. Đây là “*Tranh chấp về trách nhiệm bồi thường của nhà nước*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ tại thị trấn Liên Sơn, huyện L, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Năm 1986, vợ chồng ông Hoàng T có mua thanh lý một căn nhà và đất ở của Huyện đội huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Tại biên bản bàn giao nhà và đất ngày 06/02/1986 của Huyện đội huyện L; cụ thể: Nhà ở 72m² và đất sản xuất sử dụng vào mục đích 400m² ODT và 3207m² BHK được Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Sơn, huyện L xác nhận đúng hiện trạng và gia đình ông T quản lý và sử dụng cho đến nay.

Tại tờ trình số: 66/TTr- CN VP- ĐKĐĐ ngày 15/8/2016 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L xác định gia đình ông T quản lý diện tích: 3.553,3m² (đã trừ 53,7m² thuộc lộ giới) tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 38. Đến nay gia đình ông T nhận được công văn số: 38/CV-TNMT ngày 22/8/2016 của Phòng Tài Nguyên & Môi Trường huyện L cho rằng gia đình ông T không có giấy tờ về việc mua nhà và đất của Huyện đội huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Ngày 29/8/2016, vợ chồng ông Hoàng T và bà Võ Thị TT làm đơn khởi kiện vụ án hành chính về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Tại bản án số 40/2017/HCST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên xử: “*Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng T . Buộc Ủy ban nhân dân huyện L thực hiện hành vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Hoàng T và bà Võ Thị TT đối với diện tích đất 3.553,3 m² (đã trừ lộ giới 53,7 m²) thửa đất số 17, tờ bản đồ số 38, đất tọa lạc tại: Tổ dân phố 2, thị trấn Liên Sơn, huyện L, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013*”.

Như vậy căn cứ bản án số 40/2017/HCST nêu trên, căn cứ Điều 598 của Bộ luật dân sự thì Nhà nước (ở đây là Ủy ban nhân dân huyện L) có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước. Do đó, các vấn đề liên quan đến chế độ trách nhiệm bồi thường thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước.

[4] Xét về yêu cầu bồi thường của vợ chồng ông Hoàng T và bà Võ Thị TT yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện L phải bồi thường khoản tiền công lao động và tiền chi phí đi lại trong thời gian tham gia tố tụng tại hai cấp tòa án (Tòa án nhân dân huyện L và Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk) là 7.600.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo quy định tại Điều 28 - Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước 2017, đây thực chất là “*Các chi phí khác được bồi thường*”. Tại điều luật và các văn bản hướng dẫn không quy định khoản bồi thường tiền công lao động, tiền mất thu nhập do phải tham gia tố tụng nên không có cơ sở để giải quyết. Cần bác yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường tiền công lao động để tham gia tố tụng của vợ chồng ông Hoàng T . Tuy nhiên, tại Điều 28 luật trách nhiệm bồi thường nhà nước hiện hành có quy định các chi phí khác được bồi thường, nên cần áp dụng để bảo đảm quyền lợi cho người khiếu kiện do lỗi của cơ quan hành chính gây ra là hợp lý.

Điều 28 quy định “Các chi phí khác được bồi thường” như sau:

1. Các chi phí hợp lý khác được bồi thường bao gồm:

a) Chi phí thuê phòng nghỉ, chi phí đi lại, in ấn tài liệu, gửi đơn thư trong quá trình khiếu nại, tố cáo; chi phí thuê người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại;

2. Chi phí quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được xác định như sau:

a) Chi phí thuê phòng nghỉ, chi phí đi lại, in ấn tài liệu được thanh toán theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp với giá trị được xác định tại thời điểm quy định tại khoản 2 Điều 22 của Luật này nhưng tối đa không quá mức quy định của Bộ Tài chính về chế độ công tác phí đối với cán bộ, công chức; chế độ chi tổ chức hội nghị đối với cơ quan nhà nước.

Trường hợp người yêu cầu bồi thường không xuất trình được hóa đơn, chứng từ hợp pháp đối với các chi phí quy định tại điểm này thì chi phí được bồi thường không quá 06 tháng lương cơ sở tại thời điểm quy định tại khoản 2 Điều 22 của Luật này cho 01 năm tính từ thời điểm bắt đầu khiếu nại hoặc tố cáo hoặc tham gia tố tụng cho đến ngày có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền;

Thực tế nguyên đơn đã phải chi phí đi lại, in ấn tài liệu, chi phí tham gia tố tụng tại hai cấp tòa án từ ngày làm đơn khởi kiện 29/8/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2017, nhưng không xuất trình được hóa đơn, chứng từ hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 28 để xác định mức bồi thường. Buộc Ủy ban nhân dân huyện L bồi thường cho vợ chồng ông Hoàng T bằng 03 tháng lương cơ sở là hợp lý (*Áp dụng khoản 2 Điều 3 Nghị định 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ quy định 01 tháng lương cơ sở bằng 1.300.000 đồng*). Cụ thể là: 1.300.000 đồng x 3 tháng = 3.900.000 đồng.

[5] Đối với Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk: Tại bản tự khai, hòa giải và quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện L cho rằng: Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Hoàng T, về nguồn gốc đất hộ gia đình kê khai là đất mua thanh lý của Huyện đội nhưng hộ gia đình không cung cấp được giấy tờ thanh lý hoặc nội dung giấy tờ chưa đầy đủ thì trách nhiệm thẩm tra, xác minh thu thập hồ sơ về nguồn gốc đất thuộc về Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Sơn và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L chứ không thuộc trách nhiệm của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L. Tại công văn số 38/CV-TNMT ngày 22/8/2016 của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L là nội dung ý kiến về hồ sơ của trường hợp hộ ông Hoàng T và chuyển trả hồ sơ giữa các đơn vị phối hợp thụ lý giải quyết hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quy chế phối hợp giải quyết

theo thủ tục hành chính trong việc đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, ban hành kèm theo Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND, ngày 31/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk là không đúng. Bởi lẽ: Tại Điều 4, Điều 5 Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28/8/2014 của Bộ tài nguyên và môi trường, Bộ nội vụ thì Phòng tài nguyên và môi trường là cơ quan chuyên môn, thực hiện chức năng tham mưu, giúp ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, còn việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các quyền khác gắn liền với đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Do đó, hành vi không trình hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng T của phòng Tài nguyên và môi trường huyện L cũng chính là hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện L. Do đó, việc vợ chồng ông Hoàng T khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện L phải bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Ông Hoàng T và bà Võ Thị TT không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 143 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 598 của Bộ luật dân sự; Điều 7, Điều 28, Điều 76 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1, 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Hoàng T và bà Võ Thị TT.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk, bồi thường cho vợ chồng ông Hoàng T, bà Võ Thị TT số tiền chi phí đi lại và các chi phí khác để tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Đắk Lắk với số tiền 3.900.000 đồng (Ba triệu, chín trăm ngàn đồng).

Bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Hoàng T, bà Võ Thị TT yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện L bồi thường tiền công lao động, tiền mất thu nhập do phải tham gia tố tụng, số tiền 3.700.000 đồng (Ba triệu, bảy trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Ông Hoàng T và bà Võ Thị TT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Được trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/0013569 ngày 23/7/2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện L;
- CCTHADS huyện
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thành